TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:60/2022/DS-PT
Ngày: 19 -5-2022

V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Lương Thanh Chín.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Thái;

Bà Vũ Thị Thanh Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Phú- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19tháng5năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuậnxét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2021/TLPT-DS ngày 15tháng 11 năm 2021, về việc *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2021/DS-ST ngày 30tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số31/2022/QĐ-PT ngày 05tháng 4năm 2022; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòaso 49/TABT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn 2, xã ĐP, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh X, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn 3, xã ĐP, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Thanh X:

Luật sư Nguyễn Quốc Phòng - Chi nhánh Văn phòng luật sư Quốc Phòng - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 81, đường Lã Xuân Oai, Khu phố 2, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1.Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Thôn 2, xã ĐP, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

(Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị S).

2. Ông Lê Trung T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn 3, xã ĐP, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

- *Người làm chứng:*

1.Bà Trương Thị Hoài Tr, sinh năm 1974;

2.Bà Trần Thị L, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã ĐP, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

3.Bà Hoàng Thị Kim Y, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Thôn 2, xã ĐP, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:*Bị đơn bà Trần Thị Thanh X.

- Các đương sự khác không kháng cáo.

Đương sự có mặt: Bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Thanh X.

Đương sự vắng mặt: Ông Nguyễn Đức M, ông Lê Trung T.

Luật sư Nguyễn Quốc Phòng vắng mặt.

Người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

*Nguyên đơn trình bày:*Ngày 15/7/2018 bà Xuân có vay của bà Sáu số tiền 85.000.000đồng, bà Xuân viết giấy vay tiền giao bà Sáu giữ. Bà Sáu công nhận sau khi vay tiền, bà Xuân có trả được cho bà Sáu tổng cộng 4.000.000đồng tiền vay gốc; trong đó có 1.000.000đồng không nhớ rõ ngày tháng nhận, 1.500.000đồng nhận ngày 15/8/2018 âm lịch và 1.500.000đồng nhận ngày 21/10/2018 âm lịch. Bà Sáu đồng ý trừ số tiền 4.000.000đồng này vào số tiền 85.000.000đồng mà bà Xuân đã vay, còn lại số tiền vay gốc 81.000.000 đồng thì bà Sáu yêu cầu vợ chồng bà Xuân, ông Tám phải trả.

Bà Sáu yêu cầu tính lãi trên số tiền vay gốc 81.000.000đồng, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định, từ thời điểm tháng 01/2019 đến tháng 9/2021; bởi vì sau khi viết giấy chốt số tiền nợ 85.000.000đồng thì bà Xuân có trả cho bà Sáu 04 lần với tổng số tiền là 4.000.000đồng; theo giấy mà bà Xuân đã cung cấp, lần cuối cùng bà Xuân trả tiền cho bà Sáu là vào ngày 21/10/2018 âm lịch, bỏ đi những tháng cuối của năm 2018, bà Sáu yêu cầu tính lãi từ tháng đầu tiên của năm 2019.

Bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bà Trần Thị Thanh X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.Vì hiện nay bà Xuân xác định không còn thiếu bà Sáu khoản tiền nào mà đã trả góp đủ. Cụ thể quá trình trả góp như sau:

Trước năm 2018 bà Xuân nhiều lần vay tiền của bà Sáu, đến ngày 15/7/2018 âm lịch hai bên tính toán chốt sổ với nhau thì bà Xuân còn thiếu bà Sáu số tiền 85.000.000đồng; bà Xuân viết giấy vay tiền cho bà Sáu và ngược lại thì bà Sáu viết nội dung này vào sổ theo dõi của bà Xuân. Sau khi chốt nợ, bà Xuân có đưa cho ông Nguyễn Đức M là chồng bà Sáu 1.000.000đồng, thể hiện ở dòng chữ *"Có đưa anh Minh 2l một triệu"*. Ngày 15/8/2018 âm lịch có trả 1.500.000đồng, đến ngày 19/9/2018 âm lịch trả thêm 11.500.000đồng và ngày 21/10/2018 âm lịch trả 11.500.000 đồng. Những lần trả tiền này được bà Sáu trực tiếp ghi vào phía dưới nội dung chốt nợ mà bà Sáu đã viết cho bà Xuân ngày 15/7/2018 âm lịch. Như vậy, từ khi chốt nợ đến ngày 21/10/2018 âm lịch bà Xuân đã trả được cho bà Sáu tổng số tiền là 26.500.000đồng.

Sau đó, bà Xuân tiếp tục trả góp cho bà Sáu dưới hình thức trả trực tiếp cũng có, gửi những người quen ở chợ xã Đức Phú để đưa lại cho bà Sáu cũng có. Toàn bộ quá trình trả góp theo hình thức này thì bà Xuân đều tự ghi vào sổ để theo dõi, nội dung này thể hiện trong các tài liệu mà bà Xuân đã cung cấp cho Tòa án, cụ thể:

Tài liệu tiếp theo của tờ giấy chốt nợ là tờ giấy thứ hai thể hiện nội dung bà Xuân theo dõi số tiền gửi góp trả cho bà Sáu. Toàn bộ chữ trong giấy là của bà Xuân viết, bà Xuân không trực tiếp trả tiền cho bà Sáu mà gửi cho người khác trả dùm nên không có chữ ký nhận của bà Sáu trong giấy. Cột thứ nhất trong giấy thể hiện thời gian ngày, tháng trả tiền, ở tờ thứ nhất góp đến tháng 10/2018 âm lịch nên bắt đầu tiếp theo trong tờ thứ hai là tháng 11/2018 âm lịch. Cột thứ hai thể hiện tên người nhận tiền và gửi lại tiền cho bà Sáu, cũng có lúc bà Sáu nhận trực tiếp nên ghi là gửi chị Sáu nhưng không có chữ ký nhận của bà Sáu; trong cột này có tên những người nhận tiền như chị Tám giữ xe, chị Tâm Bình, chị Tâm bán thịt heo. Cột thứ ba thể hiện số tiền góp trả. Trong giấy này số tiền bà Xuân trả góp cho bà Sáu được 26.500.000đồng.

Tài liệu thứ ba là giấy ghi theo dõi tiếp theo từ ngày 22/7/2018 âm lịch thì trong danh sách người nhận tiền có chị Tâm Bình, bà Sáu và chị Ly bán hàng ăn sáng tại chợ xã Đức Phú. Những lần bà Sáu nhận tiền trực tiếp cũng không có chữ ký của bà Sáu, chữ trong giấy này toàn bộ cũng của bà Xuân viết. Theo giấy này bà Xuân trả được cho bà Sáu là 24.500.000đồng.

Tài liệu thứ tư tiếp theo từ ngày 30/4/2019, toàn bộ 05 lần góp này đều gửi cho chị Tâm Bình để gửi lại cho bà Sáu. Trong giấy này chỉ có chữ viết là của bà Xuân chứ không có chữ ký nhận của bà Sáu. Theo giấy này bà Xuân đã góp trả cho bà Sáu là 6.500.000đồng.

Như vậy, trong 04 tài liệu mà bà Xuân đã cung cấp cho Tòa án thể hiện tổng số tiền bà Xuân trả góp cho bà Sáu là vừa đủ 85.000.000đồng. Sau đó bà

Xuân có yêu cầu bà Sáu bỏ đi giấy vay gốc, bà Sáu nói đã bỏ đi rồi nên bà Xuân an tâm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức M không tham gia tố tụng mà ủy quyền bằng văn bản cho vợ là bà Nguyễn Thị S đại diện tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trung T trình bày: Ông Tám là chồng của bà Trần Thị Thanh X. Ông Tám có biết việc bà Xuân vay tiền của bà Sáu, mục đích sử dụng làm vốn kinh doanh thu mua mủ cao su. Sau khi vay thì bà Xuân đã trả đủ số tiền vay cho bà Sáu dưới hình thức trả góp, đến nay đã trả góp xong chứ không còn thiếu. Do đó ông Tám không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Sáu trong vụ án.

Người làm chứng Trương Thị Hoài Tr, Trần Thị L, Hoàng Thị Kim Y khai tại Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh: Họ là những người buôn bán ở chợ xã Đức Phú, huyện Tánh Linh, có biết bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Thanh X. Bà Xuân có lần gửi tiền cho họ và họ đưa cho bà Sáu nhưng không xác định cụ thể, chính xác thời gian nào? Số tiền bao nhiêu? Họ và bà Sáu không làm giấy tờ gì về việc giao nhận tiền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Tánh Linhquyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 161, 203, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 27, 37 Luật HNGĐ năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S. Buộc vợ chồng bà Trần Thị Thanh X, ông Lê Trung T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức M tổng số tiền là **101.047.500** đồng; trong đó có 81.000.000 đồng tiền vay gốc và 20.047.500 đồng tiền lãi phát sinh. Chia phần bà Xuân, ông Tám mỗi người phải trả cho vợ chồng bà Sáu, ông Minh số tiền 50.523.750 đồng.

- Buộc bà Trần Thị Thanh X phải chịu chi phí giám định chữ viết. Buộc bà Xuân phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền **2.430.000 đồng** chi phí giám định.

- Về án phí:

Buộc vợ chồng bà Trần Thị Thanh X, ông Lê Trung T phải liên đới nộp 5.052.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền 1.062.500 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số N. 0004268, ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

Bản án còn tuyên quy định về nghĩa vụ chậm trả tiền, quyền yêu cầu thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/10/2021 bị đơnbà Trần Thị Thanh X kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủytoàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh. Lý do bà đã trả tiền gốc và lãi đủ cho bà Sáu. Tòa án buộc bà trả gốc và lãi nữa là trả 02 lần cả gốc và lãi, không đúng sự thật của vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn trình bày: Bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo ngày 05/10/2021.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

+ Về thủ tục: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng trong vụ án; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đều vắng mặt.Bị đơn đồng thời là người kháng cáo không yêu cầu luật sư, đề nghị tiến hành phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp với bị đơn về vay tiền. Bị đơn có địa chỉ tại huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại cấp sơ thẩm, được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, thể hiện:

[3.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị Thanh X, ông Lê Trung T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Sáu số tiền gốc đã vay là 81.000.000đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Sáu đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là giấy vay số tiền 85.000.000đồng mà bà Xuân đã xác lập với bà Sáu vào ngày 15/7/2018 âm lịch. Sau đó bà Xuân có trả cho bà Sáu được tổng số tiền 4.000.000đồng theo giấy xác nhận bà Sáu đã viết cho bà Xuân, số tiền vay gốc còn lại đến nay là 81.000.000đồng bà Xuân chưa thanh toán.

[3.2] Bị đơn bà Trần Thị Thanh X công nhận có vay tiền của bà Sáu nhiều lần, đến ngày 15/7/2018 âm lịch hai bên tính toán với nhau và xác định bà Xuân còn thiếu bà Sáu tổng cộng số tiền còn thiếu 85.000.000đồng là đúng, chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền lập ngày 15/7/2018 âm lịch bà Sáu đã cung cấp là của bà Xuân.

Tính đến nay bà Xuân đã trả đủ cho bà Sáu tổng số tiền vay dưới hình thức góp hàng ngày chứ không còn thiếu bà Sáu như nội dung mà bà Sáu đã khởi kiện. Để chứng minh cho việc trả góp, bà Xuân cung cấp cho Tòa án 02 tài liệu là giấy ghi theo dõi quá trình trả góp tiền; trong đó có 01 giấy bà Sáu xác nhận lập ngày 15/7/2018 âm lịch, thể hiện bà Sáu đã nhận của bà Xuân tổng số tiền là 26.500.000đồng và 01 giấy do bà Xuân tự kê khai số tiền còn lại bà Xuân đã trả cho bà Sáu thông qua một số người buôn bán ở chợ xã Đức Phú.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn:

Đối với tài liệu là giấy ghi xác nhận ngày 15/7/2018 âm lịch do bà Sáu giao nộp, nội dung tính toán chốt nợ tổng số tiền là 85.000.000đồng và thể hiện từng thời điểm bà Sáu nhận tiền trả góp của bà Xuân với dòng chữ *"Có đưa anh Minh 2l một triệu";"15/8/2018 AL có trả 1.500.000đ một triệu năm trăm"; "19/9 âm có nhận 11.500.000 triệu rưỡi" và "21/10 âm có nhận 11.500.000đ triệu rưỡi"* thì bà Sáu chỉ thừa nhận từ dòng thứ nhất đến dòng thứ sáu từ trên xuống trong giấy là của bà Sáu, còn dòng thứ bảy không phải là chữ viết của bà Sáu và dòng chữ thứ tám là của bà Sáu nhưng số *"1"* phía trước số tiền là được viết thêm.

Căn cứ Kết luận số 755/KLGĐ-PC09, ngày 20/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận xác định: *"Chữ viết tại dòng số 7 từ trên xuống có nội dung: "19/9 âm có nhận 11.500.000 triệu rưỡi trên tài liệu cần giám định ký hiệu Aso với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị S trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là không phải do cùng một người viết" và "Không đủ cơ sở để kết luận chữ số "1" ở phía trước trong nội dung ghi số tiền "11.500.000 Triệu rưỡi" tại dòng thứ 8 từ trên xuống trên tài liệu cần giám định ký hiệu A có phải là được viết thêm hay không và có phải là do bà Nguyễn Thị S viết hay không".*

Với các nhận định trên, thấy rằng: Ngày 19/9/2018 âm lịch, bà Sáu không nhận của bà Xuân số tiền 11.500.000đồng. Riêng nội dung *"21/10 âm có nhận 11.500.000đ triệu rưỡi"* thì tuy kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận không đủ cơ sở để xác định *chữ số "1"* ở phía trước trong nội dung ghi số tiền "11.500.000 Triệu rưỡi" có phải là được viết thêm hay không nhưng cũng trong dòng này, ở phía sau cùng có ghi số tiền bằng chữ và chỉ thể hiện là "Triệu rưỡi" chứ không phải là mười một triệu rưỡi; số tiền viết bằng chữ không phù hợp với số tiền ghi bằng số nên đủ căn cứ pháp luật xác định: ngày 21/10/2018 âm lịch thì bà Sáu chỉ nhận của bà Xuân số tiền 1.500.000đồng chứ không phải 11.500.000đồng. Đối với tài liệu này thì việc bà Sáu xác định có nhận của bà Xuân 1.000.000đồng không nhớ rõ ngày tháng nhận, 1.500.000đồng nhận ngày 15/8/2018 âm lịch và 1.500.000đồng nhận ngày 21/10/2018 âm lịch, tổng số tiền 4.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Theo đó cần trừ số tiền này vào tiền vay gốc 85.000.000đồng mà hai bên đã xác nhận với nhau là phù hợp.

Riêng về tài liệu là giấy ghi theo dõi việc bà Xuân gửi trả tiền cho bà Sáu thông qua một số người buôn bán ở chợ xã Đức Phú thì nội dung thể hiện trong ba tài liệu này chỉ do bà Xuân tự viết ra, không có chữ ký xác nhận của bà Sáu và bà Sáu cũng không thừa nhận các chứng cứ này.

Lời khai của những người làm chứng như bà Ly, bà Yến hay bà Trâm cũng chỉ khai có nhận tiền từ bà Xuân rồi giao tiền lại cho bà Sáu chứ không thể xác định khoản tiền giao nhận trả cho khoản vay nào giữa bà Xuân với bà Sáu, cũng không có giấy tờ chứng minh bà Sáu đã nhận số tiền đã trả. Do đó, lời khai của những người làm chứng không đủ căn cứ để chứng minh là bà Xuân có trả góp tiền cho bà Sáu nên không có căn cứ để khấu trừ vào số tiền đã vay chưa trả.

Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, không có chứng cứ để chứng minh kháng cáo của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa.

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc bà Trần Thị Thanh X và ông Lê Trung T liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền vay 81.000.000đồng và lãi phát sinh sau khi vay là có căn cứ, đúng pháp luật dân sự.

[5] Về án phí phúc thẩm:

Kháng cáo của bị đơnkhông được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Quyết định bản án chia phần trả nợ cho vợ chồng bà Trần Thị Thanh X và ông Lê Trung T là chưa chính xác. Căn cứ Điều 27 và 37 luật Hôn nhân và

Gia đình năm 2014 thì đây là nghĩa vụ liên đới không chia phần. Tòa án cấp phúc thẩm nêu vấn đề để Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308; Khoản 3 Điều 296của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thanh X.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

2. Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 161, 203, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S. Buộc vợ chồng bà Trần Thị Thanh X, ông Lê Trung T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức M tổng số tiền là **101.047.500**đồng; trong đó có 81.000.000đồng tiền vay gốc và 20.047.500đồng tiền lãi phát sinh. Chia phần bà Xuân, ông Tám mỗi người phải trả cho vợ chồng bà Sáu, ông Minh số tiền 50.523.750đồng.

- Buộc bà Trần Thị Thanh X phải chịu chi phí giám định chữ viết. Buộc bà Xuân phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền **2.430.000đồng** chi phí giám định.

- Về án phí:

Buộc vợ chồng bà Trần Thị Thanh X, ông Lê Trung T phải liên đới nộp 5.052.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền 1.062.500đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004268 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định

của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hộiquy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị Thanh X phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007491 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Bà Trần Thị Thanh Xđã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (19/5/2022).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Tánh Linh;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa DS, Tổ HCTP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thanh Chín